

Bản tin Phân tích kỹ thuật

19/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1GB000 đóng cửa với tín hiệu giảm và chưa ghi nhận tín hiệu hồi phục rõ quanh vùng giá hiện tại. Dự báo hợp đồng sẽ thoái lui về khu vực 1.830-1.835 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.844 điểm, với mục tiêu 1.835 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.848 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.844 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.835 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.848 điểm

Quan điểm kỹ thuật

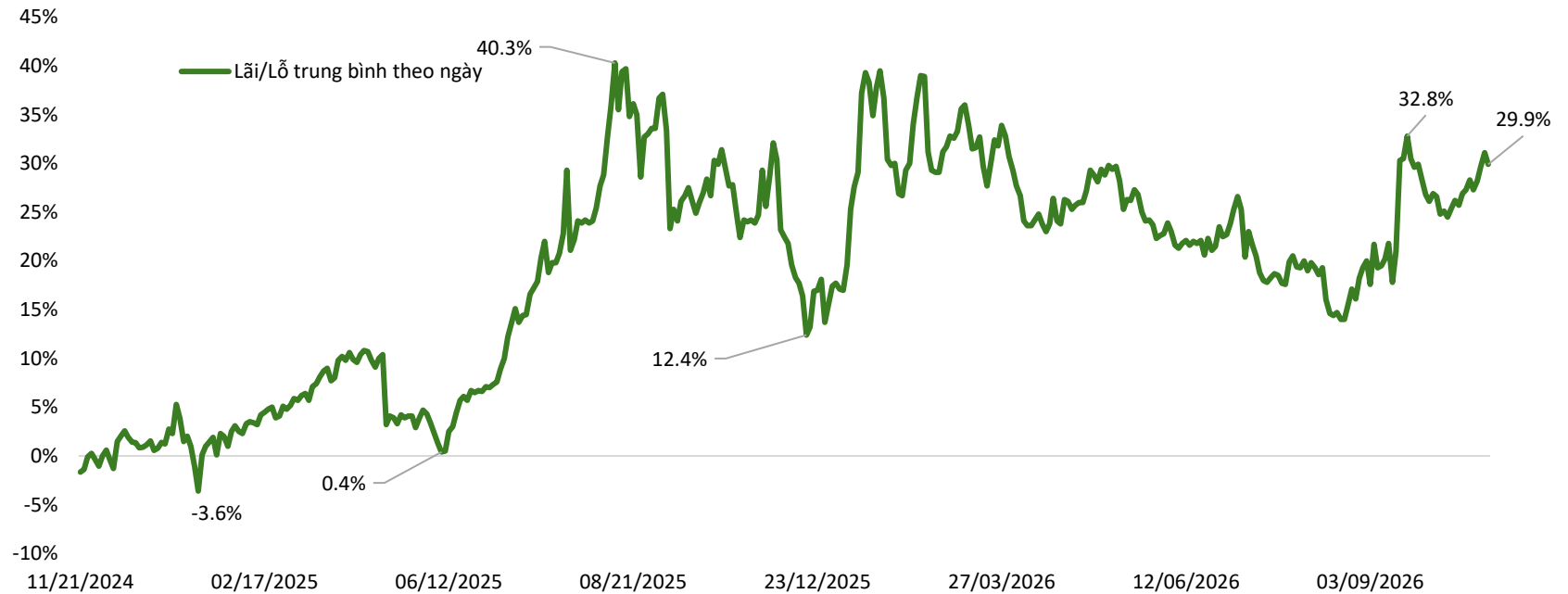


- VN-Index điều chỉnh từ vùng giá cao đầu phiên nhưng trạng thái thị trường vẫn tương đối tích cực với 162 mã tăng so với 133 mã giảm. Điều này cho thấy áp lực lên điểm số chủ yếu đến từ một số nhóm có mức độ ảnh hưởng lớn - Vingroup và Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, lực cầu cải thiện rõ tại các nhóm Chứng khoán, Công nghiệp, Bất động sản và Vật liệu.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thoái lui và đóng cửa dưới vùng kháng cự 1.715 điểm, cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Do đó, tín hiệu giảm tiếp tục là tín hiệu chủ đạo với mục tiêu kế tiếp tại vùng 1.650–1.660 điểm. Trong phiên 20/10, các nhịp hồi phục nếu xuất hiện nhiều khả năng sẽ bị cản trở quanh khu vực 1.700 điểm.
- Đánh giá rủi ro điều chỉnh diện rộng, diễn biến phiên 19/10 cho thấy VN-Index chịu áp lực điểm số từ nhóm Ngân hàng và đặc biệt là Vingroup, trong khi phần còn lại của thị trường ghi nhận sự cải thiện về lực mua. Do đó, rủi ro giảm mạnh trên diện rộng chưa ở mức cao. Kịch bản hiện tại nghiêng về khả năng chỉ số tiếp tục điều chỉnh về vùng 1.650–1.660 điểm dưới tác động của các nhóm nêu trên, trong khi trạng thái của phần còn lại của thị trường có thể tích cực hơn so với giai đoạn trước.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VPB	08/10/2026	19/10/2026	Chốt lãi	23,800	23,100	3.0%	22,500	26,400	23,800	
HDB	08/10/2026		Đang mở	22,750	21,540	5.6%	20,800	23,600	22,000	
MSB	08/10/2026		Đang mở	14,800	14,500	2.1%	14,000	15,900	14,500	
HPG	08/10/2026		Đang mở	20,550	20,200	1.7%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	21,400	21,700	-1.4%	21,300	23,700	20,500	
CTD	13/10/2026		Đang mở	63,200	62,000	1.9%	60,000	68,000		
VCG	13/10/2026		Đang mở	15,050	13,900	8.3%	13,000	15,500	13,900	
NTP	13/10/2026	19/10/2026	Dừng lỗ	51,800	53,500	-3.2%	51,800	58,000		
SHB	15/10/2026		Đang mở	10,550	10,200	3.4%	9,800	11,300	10,200	
CSV	16/10/2026		Đang mở	23,400	22,850	2.4%	22,000	25,000	23,800	
LAS	15/10/2026		Đang mở	11,600	11,600	0.0%	11,000	13,500		
ANV	15/10/2026		Đang mở	18,850	18,450	2.2%	17,500	21,400		
DXG	16/10/2026		Đang mở	10,250	10,000	2.5%	9,500	11,000		
CEO	16/10/2026		Đang mở	10,900	10,800	0.9%	10,000	12,500		
HCM	16/10/2026		Đang mở	24,200	23,750	1.9%	22,500	25,500		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	207,000	-3.72%	-5.48%	1,606,773	-12.462	2,752	9.4	75.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,200	-1.23%	-0.88%	469,589	-1.204	4,984	1.9	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	60,300	-1.15%	-5.63%	495,354	-1.185	9,730	1.9	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	24,000	-2.04%	-1.64%	240,000	-1.021	3,118	1.3	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	20,550	-1.67%	-0.72%	173,503	-0.606	2,750	1.2	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	28,850	1.76%	-5.72%	144,461	0.531	3,974	1.9	7.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	33,650	-0.88%	-0.59%	261,737	-0.482	4,250	1.4	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,100	-1.89%	0.00%	107,675	-0.424	5,324	2.7	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,250	-1.70%	-0.98%	117,540	-0.416	2,701	1.2	7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	61,800	-1.59%	-7.62%	116,506	-0.387	1,634	1.9	37.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,700	-0.76%	2.87%	198,354	-0.312	3,226	1.3	6.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MSN	72,400	1.40%	-0.96%	105,731	0.309	4,627	2.6	15.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	76,700	0.79%	-2.91%	185,073	0.304	5,269	2.7	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	38,450	1.18%	-4.47%	114,861	0.284	3,780	2.7	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	19,800	1.80%	3.94%	59,426	0.223	1,752	1.5	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	13,300	-3.62%	-19.39%	38,898	-2.207	132	2.7	100.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	117,900	2.70%	-4.53%	35,370	1.495	11,734	5.4	10.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KSF	74,200	-0.93%	-1.59%	66,764	-0.977	16,970	3.1	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,400	1.99%	5.48%	15,414	0.479	1,562	1.4	9.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	51,800	-2.63%	-3.90%	10,632	-0.438	5,810	2.4	8.9	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVS	31,800	1.27%	-5.07%	19,516	0.389	3,432	1.3	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VIF	14,600	-3.95%	0.00%	5,110	-0.316	1,407	1.0	10.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	12,500	1.63%	6.84%	11,243	0.286	1,119	0.9	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLC	20,700	9.52%	6.70%	1,673	0.249	1,850	1.2	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DTK	10,600	1.92%	-0.93%	7,237	0.218	1,245	0.8	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CC1	37,300	14.77%	14.77%	16,596	0.089	545	3.7	61.1	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFC	61,000	-39.96%	-39.96%	2,062	-0.030	97	3.1	630.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	65,500	0.92%	-3.11%	71,371	0.024	2,207	5.0	29.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNZ	560,200	-3.25%	3.74%	17,189	-0.020	15,807	18.7	35.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	90,500	7.48%	17.53%	6,654	0.018	13,842	2.8	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	56,200	3.50%	19.32%	12,972	0.017	4,974	3.2	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PRT	10,100	12.22%	10.99%	3,030	0.013	568	0.9	17.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MVN	60,300	-0.50%	-8.64%	72,784	-0.013	2,341	4.7	25.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VUA	12,200	-14.69%	-18.67%	2,440	-0.013	616	1.2	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
ACV	41,300	-0.24%	0.73%	147,316	-0.013	3,104	2.0	13.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

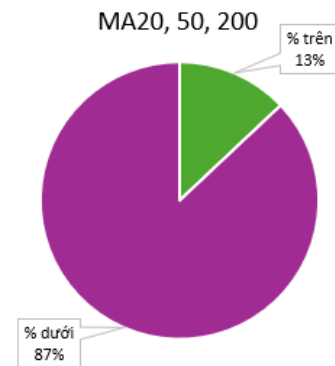
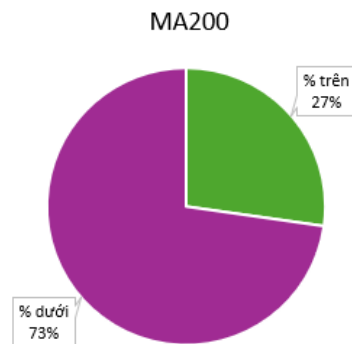
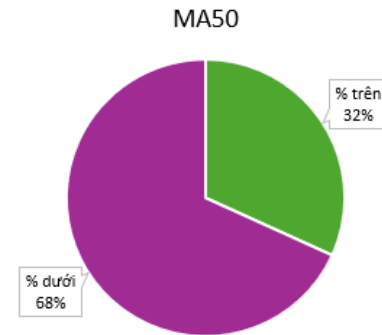
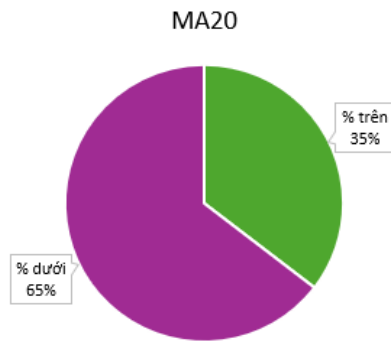
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CLI	30,200	1.0%	11.4	3.6	22,452	29,900	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	30,300	2.0%	6.4	3.2	15,438	29,700	2.5	11.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	22,750	-1.1%	10.2	19.1	22,800	33,000	1.2	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	20,550	-0.5%	12.7	10.9	20,650	25,200	1.6	32.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	9,340	-5.5%	16.3	1.8	9,740	15,466	0.8	11.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	3,300	6.5%	9.3	1.1	2,000	8,100	-0.9	-1.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CIG	6,410	-1.1%	8.1	0.8	5,680	9,350	0.8	3.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	9,340	-5.5%	16.3	1.8	9,740	15,466	0.8	11.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
PLC	20,700	9.5%	13.9	2.4	17,700	37,100	1.2	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
AAS	10,300	1.0%	80.7	15.3	6,900	11,800	0.9	18.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HT1	13,200	6.9%	24.0	4.5	11,339	19,563	1.0	13.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMP	138,000	-1.8%	27.3	9.2	114,643	178,586	3.6	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	13,600	3.0%	30.3	6.9	12,650	19,700	0.6	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			19/10/2026	16/10/2026	15/10/2026	14/10/2026	13/10/2026	12/10/2026	09/10/2026	08/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	22%	22%	22%	22%	23%	23%
		Dưới	78%	78%	78%	78%	78%	78%	77%	77%
	MA50	Trên	33%	30%	28%	29%	28%	31%	30%	30%
		Dưới	67%	70%	72%	71%	72%	69%	70%	70%
	MA20	Trên	42%	38%	32%	31%	31%	36%	31%	32%
		Dưới	58%	62%	68%	69%	69%	64%	69%	68%
VN30	MA200	Trên	20%	20%	20%	20%	20%	23%	30%	30%
		Dưới	80%	80%	80%	80%	80%	77%	70%	70%
	MA50	Trên	30%	23%	20%	30%	33%	33%	40%	43%
		Dưới	70%	77%	80%	70%	67%	67%	60%	57%
	MA20	Trên	33%	30%	20%	23%	20%	27%	30%	27%
		Dưới	67%	70%	80%	77%	80%	73%	70%	73%
HNX	MA200	Trên	26%	27%	26%	26%	25%	28%	27%	27%
		Dưới	74%	73%	74%	74%	75%	72%	73%	73%
	MA50	Trên	36%	35%	34%	33%	32%	36%	35%	35%
		Dưới	64%	65%	66%	67%	68%	64%	65%	65%
	MA20	Trên	26%	27%	26%	26%	25%	28%	27%	27%
		Dưới	74%	73%	74%	74%	75%	72%	73%	73%
UPCOM	MA200	Trên	31%	29%	28%	28%	27%	29%	29%	28%
		Dưới	69%	71%	72%	72%	73%	71%	71%	72%
	MA50	Trên	31%	30%	28%	29%	28%	29%	29%	29%
		Dưới	69%	70%	72%	71%	72%	71%	71%	71%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	31%	31%	31%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	70%	69%	69%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	Tháng 10										Tháng 9									
	19 ↓	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22
1 Bán lẻ	83	78	76	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62
2 Tài nguyên Cơ bản	68	66	61	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49
3 Hàng & Dịch vụ Cón...	67	64	65	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57
4 Hóa chất	58	54	55	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56
5 Hàng cá nhân & Gia ...	54	52	54	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34
6 Xây dựng và Vật liệu	48	48	48	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32
7 Ngân hàng	46	46	43	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50
8 Thực phẩm và đồ uố...	46	47	46	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43
9 Điện, nước & xăng d...	38	47	45	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44
10 Dầu khí	35	30	32	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73
11 Du lịch và Giải trí	34	32	29	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47
12 Ô tô và phụ tùng	30	25	28	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31
13 Bất động sản	29	28	26	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34
14 Dịch vụ tài chính	28	26	25	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29
15 Công nghệ Thông tin	12	13	13	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCB	33,250	0.2%	2.0%	235,617	1.3	8.7	3,829	650.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,800	0.0%	2.1%	55,411	1.2	9.4	1,573	148.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	39,000	0.5%	1.8%	51,725	2.2	6.7	5,818	34.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	54,000	0.0%	-0.2%	35,064	2.6	13.5	3,992	31.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PCB	9,500	3.3%	14.5%	8,493	0.7	5.5	1,710	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	55,700	1.5%	1.8%	5,377	2.1	11.7	4,776	13.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	52,000	4.0%	9.5%	3,798	2.5	-1,683.5	-31	37.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CLI	30,200	1.0%	9.4%	3,325	0.0	0.0	0	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VLB	49,400	2.3%	1.6%	2,304	2.2	3.8	13,107	6.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SCL	30,300	2.0%	5.2%	1,186	2.5	11.1	2,761	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HII	9,900	4.1%	7.4%	729	0.7	3.1	3,190	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TVN	9,700	1.0%	-1.0%	6,543	0.7	8.3	1,160	6.5	Tích cực	8.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
C69	17,900	0.0%	0.6%	1,106	1.6	29.9	600	6.4	Tích cực	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	24,000	-2.0%	-1.6%	240,000	1.3	7.7	3,118	733.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	22,750	-0.2%	0.7%	148,031	1.7	7.6	2,983	289.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	65,500	0.9%	-3.1%	71,371	5.0	29.3	2,207	53.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	146,000	3.5%	-2.3%	26,107	5.4	23.0	6,359	78.5	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	44,250	2.1%	2.2%	19,839	2.4	13.9	3,174	12.8	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
AAS	10,300	1.0%	0.0%	2,366	0.9	18.8	548	80.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXP	15,000	2.7%	-8.0%	899	0.8	4.7	3,206	6.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	61,800	-1.6%	-7.6%	116,506	1.9	37.8	1,634	136.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,500	-1.6%	1.9%	9,467	0.7	3.9	4,780	117.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	20,550	-0.5%	-4.9%	8,801	1.6	32.6	631	12.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	67,800	-0.3%	-1.7%	8,686	3.9	13.3	5,110	5.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	40,100	0.0%	-6.2%	3,846	2.5	5.4	7,381	6.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	14,700	0.0%	-2.0%	1,729	0.7	7.9	1,872	8.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	9,340	-5.5%	-5.3%	1,442	0.8	11.5	809	16.3	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VHM	60,300	-1.1%	-5.6%	495,354	1.9	6.2	9,730	369.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,200	-1.2%	-0.9%	469,589	1.9	11.3	4,984	235.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	76,300	-0.1%	-2.3%	232,985	6.1	18.9	4,047	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	76,700	0.8%	-2.9%	185,073	2.7	14.6	5,269	41.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	31,350	0.3%	-3.2%	125,400	2.1	17.9	1,751	40.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	57,500	-0.5%	-1.5%	120,172	3.8	11.0	5,246	83.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,250	-1.7%	-1.0%	117,540	1.2	7.5	2,701	148.6	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,100	-1.9%	0.0%	107,675	2.7	10.7	5,324	241.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	74,200	-0.9%	-1.6%	66,764	3.1	4.4	16,970	6.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,150	0.3%	-2.9%	45,480	1.8	13.9	2,524	69.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPX	22,750	-1.1%	-1.9%	42,656	1.2	7.9	2,884	10.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	66,400	0.6%	-3.8%	42,529	5.3	11.9	5,569	76.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,250	0.4%	-1.6%	37,581	0.9	6.0	2,049	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,500	-1.60%	1.93%	42,900	131.9%	4,780	0.7	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,350	0.00%	0.98%	21,400	106.8%	2,909	0.8	3.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	14,150	0.00%	3.28%	28,800	103.5%	1,424	0.9	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
STK	7,900	0.00%	1.28%	16,000	102.5%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	14,850	-1.00%	1.71%	28,700	93.3%	2,298	0.9	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MWG	74,200	0.41%	-1.85%	140,000	88.7%	6,660	3.1	11.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEX	22,750	1.11%	2.94%	40,500	78.0%	1,049	1.5	21.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,600	-0.18%	0.55%	48,900	77.2%	3,530	1.1	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	74,800	-0.27%	-1.58%	130,600	74.6%	5,083	5.3	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	56,200	3.50%	19.32%	98,000	74.4%	4,974	3.2	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	29,900	0.84%	-1.32%	52,000	73.9%	5,852	0.8	5.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	21,400	-0.47%	-2.51%	36,800	72.0%	1,407	0.8	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,700	-0.72%	-1.44%	23,100	68.6%	1,976	0.7	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,500	-0.33%	3.04%	48,800	60.0%	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	33,000	0.61%	0.00%	52,100	57.9%	5,603	0.8	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	46,300	-0.86%	-1.70%	71,800	55.1%	2,199	4.1	21.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	23,050	0.88%	1.32%	35,600	54.4%	3,191	1.1	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	20,700	9.52%	6.70%	31,900	54.1%	1,850	1.2	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	31,800	1.27%	-5.07%	49,000	54.1%	3,432	1.3	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	33,900	0.00%	-3.97%	51,200	51.0%	5,201	2.1	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn